

TIẾP CẬN ĐỐI CHIẾU VĂN HỌC – ĐẤT NƯỚC HỌC QUA MỘT SỐ TRUYỆN NGẮN CỦA A.MORAVIA VÀ NGUYỄN HUY THIỆP

Nguyễn Văn Chiến*

Giữa hai bậc thầy truyện ngắn A. Moravia (Italia) và Nguyễn Huy Thiệp (Việt Nam) có nhiều điểm chung về phát hiện những tình tiết éo le trong cuộc sống con người để xây dựng bố cục, cốt truyện khái quát chính xác và sắc sảo về tâm lý, lối sống và quan niệm nhân sinh trong tâm thức con người thuộc hai dân tộc Italia và Việt Nam. Cả hai nhà văn đều tạo nên một tổng hòa cuộc đời đan xen các lát cắt xã hội khác nhau thông qua cốt truyện hấp dẫn, ngôn ngữ đặc trưng cho các tầng lớp dân cư trong xã hội, bố cục gọn, chặt chẽ, hệ thống nhân vật điển hình phản ánh đặc thù bản sắc nhận thức và hành động của con người Italia và Việt Nam. Một số truyện ngắn được lựa chọn phân tích trong bài này chứng minh cho những khái niệm sáng tạo mang tính văn học – đất nước học được diễn hình một cách hiện thực, ẩn dụ và tượng trưng. Những chi tiết đó tuy đời thường nhưng có tầm giá trị triết học rất cao và có thể giúp người đọc tự vấn bản thân để suy tư về cuộc đời.

Tính hấp dẫn và độ thuyết phục trong sáng tác của hai nhà văn đã vượt ra ngoài câu chữ bình thường nhờ nghệ thuật cấu trúc tự sự đan xen ý thức và hành vi. Thủ pháp này nhằm khơi gợi liên tưởng để người đọc tự nhận thức không chỉ lẽ sống của bản thân mà cả những lý do khiến người ta lạc lối. Nhưng đằng sau các cốt truyện thấm đẫm sự sống ấy là ngọn lửa lãng mạn, một đam mê vốn vẫn khu trú ẩn khuất trong thế giới tình cảm và lý trí thầm kín của con người Việt Nam và Italia.

Từ khóa: lát cắt, cuộc sống, xung đột, Italia, Việt Nam, gia đình, phụ nữ, thông điệp, tư duy nghệ thuật, nhận diện, đạo đức giả, hạnh phúc, hiển ngôn, nan đề..

As the masters of short stories both Alberto Moravia and Nguyen Huy Thiep have revealed a lot of common characteristics in finding out the circumstances full of surprises in human life that aim at creating the general, accurate and incisive images of mental nature, lifestyle and conception of life expressed by people in Italia and Vietnam. Both of the writers have done a fascinating mosaic by means of attractive plots, distinguishing speech types for population of different social classes, the solid and compact disposition, the system of typical characters uncovering the Italian and Vietnamese faculty of perceiving the existence. The stories selected and analysed in this writing are able to prove the creative literary and regional study concepts that are exposed masterfully. Although these concepts seem to be workaday, they disclose high philosophical ideas that could help their readers interrogate themselves and reflect upon life of theirs and of others.

*TS., Trường Đại học Hà Nội

Email: nguyenchien2307@yahoo.com

The strength in the creative works by Alberto Moravia and Nguyen Huy Thiep has escaped from ordinary words owing to the composed thoughts which stimulate the association of readers so that they can be aware of not only the common senses in their life but also the things causing them to lose their way. However, the romantic perception hidden in sneaking feelings and reasons of Italians and Vietnamese reveals itself behind these story – lines, that are imbued with vitality.

Key words: vignettes, life, conflicts, Italia, Vietnam, family, women, messages, artistic thinking, identification, hypocrisy, happiness, explicit, dilemma.

1. Một nét đời và văn của A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp

Alberto Moravia (1907-1990) – nhà văn Italia - có tên thật là Alberto Pincherle và sinh ra ở Roma, cố hương đã gắn ông với sự sống và văn nghiệp qua biết bao nhân vật và tình huống sự đời. Ông căm thù chế độ phát xít, không chỉ vì hai người anh của ông - Carlo và Nello Rosselli, những người thủ lĩnh của phong trào kháng chiến chống phát xít Công lý và Tự do (Giustizia e Libertà) – đã bị chế độ của Benito Mussolini giết hại ở Pháp, mà chủ yếu vì tâm thức yêu nước và lý trí của người trí thức yêu tự do. Ông ham mê văn chương từ nhỏ, và trong số các nhà văn ông yêu quý ngoài các nhà văn có tên tuổi của châu Âu như Balzac, Proust, Moliere, Rabelais, Defoe, Stendhal, Cervantes, Boccaccio, Machiavelli, Goldoni, Manzoni, Verga, Steinbeck, Sartre, Canetti, Beckett, Durrell, Vittorini, Camus còn có các nhà văn Nga Fyodor Dostoevsky, Lev Tolstoy và Nikolai Gogol. Vào năm 1929 ông xuất bản bằng tiền của mình cuốn tiểu thuyết đầu tiên Gli indifferenti (Những kẻ thờ ơ), một phân tích về thói suy đồi đạo đức của một

người mẹ thuộc tầng lớp trung lưu và hai cậu con trai. Sự ngột ngạt và hiểm nguy rình rập, sự căm đoán, kiểm duyệt và theo dõi của chế độ phát xít khiến ông phát triển lối viết siêu thực và phóng dụ, điều có lẽ đã cải thiện cho phong cách văn chương của ông. Ông phải sang Hoa Kỳ tá túc, giảng dạy văn chương Italia, viết văn với bút danh. Thời ông di tản sống cùng vợ đầu thập niên 40 ở Fondi giáp miệt Ciociaria đã tạo cảm hứng cho ông viết tác phẩm La Ciociara (Người đàn bà miệt Ciociara), in năm 1958. Sau khi thành Roma được giải phóng, ông trở về đây và cộng tác với nhiều trí thức sáng tạo để thành lập nhiều tờ báo và tạp chí văn học. Cũng chính từ thời gian này, ông trở nên nổi tiếng nhờ những tác phẩm như La Romana (Người đàn bà thành La Mã, 1947), Disubbidienza (Chẳng vâng lời, 1948), L'Amore Coniugale e altri racconti (Tình vợ chồng và những truyện ngắn khác, 1949) và Il Conformista (Kẻ thức thời, 1951).

Moravia căm ghét chế độ phát xít và thái độ ấy bộc lộ trong hơn ba mươi cuốn sách mà ông từng cho xuất bản lúc sinh thời. Suốt hơn 40 năm viết văn ông không

hệ làm khác đi những gì ông đã chọn làm lý tưởng, đạo lý và ngay cả những thể tài vốn được dùng truyền diễn các thông điệp sáng tạo và đạo lý của mình. Mọi chủ đề trong tác phẩm đều phản ánh cái thế giới nơi ông sống. Ông hy vọng những đổi thay trên thế giới này và tin rằng con người ta có thể đạt được điều đó bằng cách hiểu biết và xử lý những vấn đề ông vốn nêu ra trong những sáng tác của mình.

Có thể nhận thấy các chủ đề trong truyện của ông bao quát sự khô cằn của đạo đức, thói đạo đức giả của người đương thời cùng việc con người ta bất lực không thể tìm được lẽ hạnh phúc trong những gì thiết thực như tình yêu và hôn nhân.

Lối viết của ông không trau chuốt, du dương, từ ngữ dùng thật giản dị, đời thường nhưng được sắp xếp theo một mẹo luật cú pháp rất thuần thực và khúc chiết. Trong văn của ông thường thấy độc thoại nội tâm đi kèm với các quan sát tâm lý tinh tế.

Moravia giống với Nguyễn Huy Thiệp ở chỗ cả hai ông đều lang bạt kỳ hồ để cuối cùng định cư tại thủ đô. Nguyễn Huy Thiệp sinh năm 1950 ở Thanh Trì, Hà Nội. Từ nhỏ đến lớn ông sống qua nhiều nơi như Thái Nguyên, Phú Thọ, Vĩnh Phúc... Những tác phẩm khiến ông nổi tiếng là truyện ngắn được viết để truyền diễn những vấn đề lịch sử, văn chương, cổ tích, huyền thoại, đời thường thời nay chốn đô thị và thôn quê. Bầu không khí miệt đồng bằng Bắc Bộ nổi rõ trong truyện của ông.

Lối nhìn đời độc đáo để mô tả sự sống trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp khiến nhiều người đọc thấy kinh dị, khó chịu đến “buồn nôn”, nhưng số người thấy được khai tâm để nhìn rõ hơn cuộc đời này thì đông đảo hơn. Có lẽ, ở khía cạnh này giữa Moravia và Nguyễn Huy Thiệp vừa giống nhau, vừa khác nhau.

Moravia đã từng phát biểu rằng nhà văn chiết tách tư tưởng của riêng mình từ các đề tài vốn dĩ làm nền tảng cho trải nghiệm của mình chứ không hẳn từ các truyền thống văn hóa và tôn giáo, tức là từ lịch sử hiện tại đang trôi qua mà không phải thứ lịch sử đã trôi qua (“Hence it is up to the novelist to dig his own ideology out of themes underlying his own experience and not from cultural and religious traditions. From History in fact, and not history already past”) (Ý kiến của Thomass E. Peterson trong bài “Kỷ niệm Moravia 100 tuổi” (“Celebrating Moravia at 100”) đăng ở www.logosjournal.com/issue_7.1/peterson.htm). Chính tư tưởng này đã làm nên nền tảng phương pháp và luận điểm cho các phát hiện độc đáo của ông về con người Italia và xã hội Italia thời ông đang sống và cả tương lai nữa. Tư tưởng đó cũng thể hiện trong sáng tác của Nguyễn Huy Thiệp, bởi thực tiễn cuộc đời thời buổi nhà văn Việt đang sống được ông khắc họa thật chính xác, tinh tế, lột tả đích thực cái bản chất vận hành suy nghĩ và sự sống của con người Việt không chỉ hiện thời ông mà cả trong quá khứ và sẽ còn liên mạch tới tương lai nếu không có thiết chế cá nhân và cộng đồng nắn sửa

cho những nhẽ tiêu cực. Tuy nhiên, thực tế sáng tạo của hai nhà văn minh chứng rằng họ là sự tiếp nối, còn những gì bộc lộ trên trang viết chính là sự nhận diện đương đại của họ theo cách riêng độc đáo.

2. Vài lát cắt khám phá cuộc đời con người Italia và Việt Nam qua truyện của A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp

Các khía cạnh cuộc đời thật đa dạng trong các phép diễn hình của hai nhà văn A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng trong khuôn khổ bài này chỉ có thể trình bày được một vài nét, mà theo thiện nghĩ của tác giả, là căn bản trong phân tích cuộc đời con người bằng văn chương nơi hai tác giả.

2.1. *Giằng xé của mâu thuẫn: con người – gia đình – cuộc sống*

Truyện ngắn “Sấm chớp” của Moravia đơn giản ở cốt truyện và nhân vật, nhưng sự giản đơn ấy tạo nên chuyển đổi bất ngờ nhờ tình huống bộc lộ nét riêng trong xã hội Italia. Người vợ quá bức xúc nên đã nổi khùng với chồng vì lẽ anh ta sống bình lặng trong một gia đình theo lối “tiểu thị dân” trôi qua trong cái mà chị coi đó chỉ là tồn tại tầm thường giữa của nả và gia đình nhiều thế hệ im lìm với nếp sống phẳng lặng không sắc thái thú vị. Và điều chị khó chịu nhất là anh chồng “xoàng xĩnh” không hề giống các chính nhân quân tử hay nam tử oai hùng, chẳng hạn, anh ta không phải là một Alain Delon với tính cách bạo liệt, di chuyển qua các khách sạn sang trọng từ Paris qua New York tới Rio de Janeiro, không phải là một tay gangster

can trường. Cô bức bối thốt lên “...liệu chúng ta có phải là đang sống hay không? Không, thưa anh, chúng ta không sống mà chúng ta tồn tại thôi...”. Cô chán ngán cuộc đời như thế đến mức không còn tôn trọng sự mộ đạo của chồng, của mọi người gia đình nhà chồng khi cô nói “...nhưng tôi chẳng tin vào Chúa Trời, chẳng tin tạo nào, anh hiểu chứ?”. Trong cơn giận dữ, cô đã nói hết sự hờn căm chất chứa tích tụ bao năm trời do cô với thân phận nghèo rơi vào gia tộc giàu có, cái thân phận như thế khiến cô không hiểu được những thuật ngữ, những vấn đề tài chính mà trong gia đình nhà chồng thường nói ra khiến cô coi thứ ngôn ngữ ấy là “thô ngữ” được dùng để che đậy vốn liếng, để cô không thể hiểu biết mà sau đó đánh cắp của cải nhà họ. Nhưng rồi, giông tố thay vai khi cô gần cạn kiệt những điều để nói, và anh chồng không kìm được cơn khùng tiến tới tát thẳng vào mặt cô, sấm chớp nơi chồng đã buộc cô phải chạy ra ngoài. Chỗ công viên cô dừng lại có tờ báo ai để vương lại, nhặt lên thì cô tình cờ nhìn thấy ... ảnh chồng mình với hai cột báo tường trình về những hành động tội ác của ông ta như cướp của, giết người, những vụ tòng phạm liên quan tới ma túy, đi điểm... Rồi cả câu trả lời phỏng vấn của ông ta với câu cuối làm cô như nghe đúng giọng chồng mình: “Ngài muốn đùa đấy thôi. Tôi chẳng biết gì hết. Chúng tôi là người của một gia đình lương thiện”. Thế là cô đã lâm vào một nan đề thật đau đầu.

Toàn bộ truyện ngắn này của A. Moravia

là một diễn ngôn truyền đạt thông điệp về sự sống hiện đại của người Italia với nghĩa hiển ngôn rõ ràng về hai con người trong một gia đình khá giả với những thế giới sinh tồn khác biệt dẫn đến xung đột như “giọt nước tràn ly”. Nhưng nghĩa hàm ẩn sâu xa khiến người đọc trầm tư để tự đúc rút ra từ cốt truyện. Chính những nghĩa hàm ẩn ấy là hiện thực như những lát cắt cuộc sống người Italia thuộc tầng lớp trung lưu và thượng lưu. Trước hết, anh chồng của cô ta chính là một mafioso, tức là thành viên của Mafia. Vào thời khi A. Moravia viết truyện này thì chưa có mười điều răn của các thành viên Mafia, cho nên anh ta còn mắc tội đi điếm, song mọi hành động và tâm thế anh ta bộc lộ đã cho thấy đây là phần tử đích thực của tổ chức này. Rõ ràng, hiện thực Mafia len lỏi đến nhiều gia đình. Họ bí mật sống và hoạt động với những vỏ bọc thật tài tình.

Một ý hàm ẩn khác rút ra được từ truyện là người đàn bà thuộc tầng lớp dưới trong xã hội như cô vợ này đã không kiên ngưng được với đạo Ki tô, cô báng bỏ cả Chúa Trời khi thèm khát cái tư cách “đại trượng phu” nơi chồng mình mà không được đáp ứng.

Hơn thế nữa, qua hình tượng người vợ ấy có thể hiểu bản năng “lãng mạn” của phụ nữ Italia, họ mong muốn được nhìn thấy những hành vi, những nét tính cách “quân tử” oai phong lẫm liệt nơi chồng mình – chỗ dựa thể xác và linh hồn – của họ.

Các nhân vật của A. Moravia thừa hưởng và tiếp nối truyền thống suy nghĩ và hành động của dân tộc Italia. Những

nét như thế làm nên các khí chất đặc Ý Đại Lợi, đồng thời nó trở nên độc đáo và tương tác với nét Việt của tính cách con người được khuôn đúc trong sự vận hành của thời thế qua truyện của Nguyễn Huy Thiệp.

Truyện ngắn “Tướng về hưu” của Nguyễn Huy Thiệp diễn hình một gia đình người sĩ quan cấp tướng đã già với mọi nét sinh hoạt và suy nghĩ của các thành viên từ ông bà tướng về hưu tới các con ruột, con dâu, ông chú vốn là người cùng cha khác mẹ với ông tướng, các cháu cùng những người không cùng dòng máu được vợ nhân vật “tôi” kể chuyện thương tình cho đến ở... Nguyễn Huy Thiệp tả chân những xuống cấp đạo đức của con người hành xử theo bản năng hoang dã của sự kiếm ăn và giành giật.

Những con người ấy đối lập với chỉ một người là ông tướng về hưu lạng lẽ sống và lạng lẽ chịu đựng, để rồi sau đó chết cũng nhẹ nhàng nhưng đầy phẩm cách của người lính. Những bi kịch của sự sống đã được chính ông tướng thốt ra: “Đàn ông thằng nào có tâm thì nhục. Tâm càng lớn càng nhục”. Một kết luận thật phũ phàng về chính thân phận ông, người đã từng vào sinh ra tử, người đã tự tay “chôn ba nghìn người” mà không cần phải “yểm bùa” như ông nói khi trả lời câu hỏi của ông Bổng – người cùng cha khác mẹ của ông tướng – về việc có cần yểm bùa cho cái chết của vợ ông – tức là mẹ của nhân vật “tôi” – hay không. Ông uất ức vì thấu hiểu cái xung đột ngầm với mọi người xung quanh ông mà không thể nào

cường chống để thay đổi được.

Hệ lụy của xung đột như thế khiến người ta ghẻ lạnh với nhau và tình thân chỉ là bề mặt. Hãy nghe lời trần tình của nhân vật “tôi”: “Tôi thấy cô đơn quá. Các con tôi cũng cô đơn. Cả đám đánh bạc. Cả cha tôi nữa”. Từng cá thể cô đơn được khẳng định chua chát trong một mệnh đề kết thúc bằng một dấu chấm. Từng thế giới nhỏ ấy đâu có liên hệ gì với nhau đâu ngoài cái bồn phận giản đơn là máu mủ!

Nhưng có một lẽ kinh khủng mà Nguyễn Huy Thiệp phát lộ. Nó giống như phát hiện của Lỗ Tấn trong “Nhật ký người điên” khi ông cho biết cái sự thật ghê khiếp trong xã hội Trung Hoa hồi bấy giờ qua trần tình của một “người điên”: con người ăn thịt lẫn nhau, tức là người ăn thịt người. Trong truyện “A madman’s diary”, nhân vật chính đã thốt lên: “They eat human beings, so they may eat me” (“Họ ăn thịt người rồi, vì thế họ có thể ăn thịt được mình chứ”), vì thế anh ta bèn tra cứu sách lịch sử, đọc mãi cũng thấy trang nào cũng có chữ “Virtue and Morality” (Đức hạnh và Đạo đức). Không ngủ được nên anh ta đọc tiếp và cứ đọc “until I begin to see words between the lines, the whole book being filled with the two words – “Eat people” (cho đến khi suốt cả cuốn sách mới bắt đầu thấy được ba từ giữa các dòng chữ miên man “Ăn thịt người”. Và Nguyễn Huy Thiệp viết tiếp “Vợ tôi làm việc ở bệnh viện sản, công việc là nạo phá thai. Hàng ngày các rau thai nhi bỏ đi, Thủy cho vào phích đá đem về. Ông Cơ nấu lên cho chó, cho lợn”.

Nhân vật “tôi” vô tâm bỏ qua, nhưng cha anh ta dắt anh ta xuống bếp chỉ cho anh ta nhìn nồi cám “trong đó thấy có các mẩu thai nhi bé xíu, thấy có cả những ngón tay nhỏ hồng hồng”. Ông tướng về hưu chỉ nói thế này “Khốn nạn! Tao không cần sự giàu có này”. Nghe nói thế, vợ nhân vật “tôi” bèn trách ông Cơ “Sao không cho vào máy xát?”. Sự thật ấy buồn tẻ vô cùng khi cái ý hàm ẩn lấp ló trong câu tứ của cốt truyện Nguyễn Huy Thiệp rằng ai sẽ ăn thứ thịt lợn hay chó vốn chính là thịt người đã được tiêu hóa, được nhào nặn bồi đắp từ những “mẩu thai nhi”, những “ngón tay nhỏ hồng hồng” như thế. Từ khi truyện này được đăng tải trên văn đàn thì các nhà phê bình, các nhà giảng văn hầu như đều né tránh, hay cố tình không biết đến hình tượng man dã ấy.

2.2. Nhân tính tha hóa vì vật dụng và tiền bạc

Thế giới hiện đại với tất cả những thiết bị, đồ vật tinh xảo, đắt tiền dường như đem lại cho con người bao tiện ích mà trước kia không thể tưởng tượng nổi. Nhưng chính trong cái xã hội tràn ngập sản phẩm của “tiến hóa” công nghệ ấy thì con người ra sao đây. Chính A. Moravia trả lời cho câu hỏi dằn vặt ấy trong truyện ngắn “Đẹp hơn em”. Một người đàn bà xuất thân từ gia đình nghèo nhưng có nhan sắc lọt vào một gia đình giàu có trong cái tình huống dở khóc dở cười khi cô gái xinh đẹp do tính cách mềm yếu, thụ động và nhu nhược chịu áp lực của “giọng nói rất hách” hầu như thôi miên cô từ người đàn ông “giá như có cuộc thi người

xấu, ông ta ắt phải chiếm giải quán quân”. Cô sống trong tòa nhà tráng lệ, một “cỗ máy để ở” hoàn hảo, ngay những chiếc ô tô vốn là “sự hợp lý” và “hiệu lực” nên chúng “không phải là bán thành phẩm mà là những sản phẩm hoàn chỉnh”. Nhưng những con người ở đó trong mắt cô thì “quái gở”, “nửa người nửa ngợm”. Họ xấu xí vì họ “bất thành nhân dạng”, dường như vì tạo hóa trong khi muốn nặn họ hoàn chỉnh nhưng lại không làm nốt được vì lý do nào đó. Người chồng đã mời một bạn cố tri mà theo ông ta là kẻ thất bại trên trường đời đến chơi. Mục đích thật tế nhị: chứng minh cho vị khách biết về sự thành đạt giàu có của mình. Đỉnh điểm câu chuyện là thời điểm sau khi được dẫn đi chiêm ngưỡng những minh chứng cho thành công trên đường đời ông chủ đã diễn ra cuộc thoại ngắn giữa người vợ ông chủ nhà và vị khách. Khen nức nở rồi kết luận bằng câu hỏi: “Nhưng chị có biết giữa những đồ vật đó, cái gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất không?”, và đáp lại câu hỏi bối rối của cô chủ nhà, vị khách nói gọn: “Chính là chị”. Nhận xét ấy khiến cô ngổ ra thân phận mình nào có cao hơn mọi cỗ xe ô tô siêu hiện đại kia, cùng với luận cứ thốt ra từ anh giáo viên “thất bại” trên trường đời đó: “Tiếc thay, đặc điểm của nền văn minh chúng ta là những vật mà nó tạo nên lại bội phần đẹp đẽ hơn kẻ có quyền sở hữu và quyền sử dụng chúng”. Cô vợ chạnh lòng tự ái vì nét duyên dáng xinh đẹp của mình dường như bị coi thường nên khẳng định lại rằng trên đời còn có người đẹp nữa, nhưng anh giáo

viên bồi tiếp: “Họ không còn là con người nữa mà đã trở thành đồ vật rồi”. Thế là sự “ngộ” của cô đã trọn vẹn, chính con người có cái nghề nghiệp thầy đồ nghèo xác kia đã mở mắt cho cô thấy chính cô, người vợ đẹp trong gia đình “dan gia vọng tộc” ấy, cũng chỉ là thứ “đồ vật” hết như mọi thành viên khác nữa.

Câu chuyện diễn ra như phóng sự thực tế kia tràn ngập nét hấp dẫn của sự thật mang cái căn bản của tả chân và ẩn dụ kết hợp. Chỉ có vậy thôi mà lột tả được nghĩa hàm ẩn về thảm trạng khi thói trọng vật chất đã đánh bật cái bản chất nhân văn của cuộc sống tinh thần và tâm hồn con người ra khỏi cuộc sống thường nhật, con người trong xã hội tiêu thụ vô cảm ấy rời xa gia đình với nghĩa chân thực của nó, họ hóa thân giá trị của họ vào đồ vật để trở thành “đồ vật” mang bộ dạng con người. Có thể nghe vọng ra từ cốt truyện lời kêu gọi tha thiết của A. Moravia: “Này nhân loại kia ơi, hãy dừng lại để trở về với giá trị nhân bản đi kẻo quá muộn không quay đầu lại được đâu!”.

Lát cắt sắc gọn của A. Moravia diễn trình cuộc đời thập niên 60-70 thế kỷ trước khiến không chỉ người thời ấy mà cả người thời nay - thập niên 10 thế kỷ XXI - thảng thốt vì vòng xoáy “đồ vật hóa” homo sapiens vẫn diễn ra, có khi còn dữ dội hơn. Sự thật ấy được Nguyễn Huy Thiệp lật tẩy qua truyện ngắn “Không có vua” như một lát cắt biên niên sử cuộc tồn tại của con người thông qua 7 phần như 7 ngày của một tuần đời: Gia cảnh – Buổi sáng – Ngày giỗ – Buổi chiều – Ngày Tết – Buổi tối – Ngày thường. Như thế cũng là phúng dụ của một

ngày trọn vẹn và cũng là ẩn dụ cho hết một đời người. Nhà ông Kiên gồm sáu người: ông bố, năm con trai là Cấn, một thương binh nay làm nghề cắt tóc, Đoài, “công chức ngành giáo dục”, Khiêm, “nhân viên lò mổ”, Khảm, sinh viên đại học, Tồn, “con út, bị bệnh thần kinh, người teo tóp, dị dạng”, và cô Sinh, con dâu, vợ anh cả. Còn bà Nhón, vợ lão Kiên, chết đã mười một năm rồi. Những nghề nghiệp gắn với các con người ấy phản ánh mọi lễ nghi, lễ hành động trong xã hội. Chẳng hạn, Cấn cầm cân nảy mực về thu chi trong gia đình, anh khéo tăng giá “dịch vụ” của mình từ cắt tóc đến ngoáy tai, cạo râu... mà không khách hàng nào cưỡng lại được. Còn Khiêm thì có ngày nào không xà xẻo được cân thịt, cỗ lòng... từ lò mổ mậu dịch về nhà để ai cũng được ăn, thậm chí “công chức giáo dục” Đoài khôn và khéo “bao giờ cũng... cho vào mấy miếng thịt, mấy miếng lòng...” để “...có chút đậm...đủ hai nghìn calo...” khi đi làm. Còn Tồn thì làm đủ việc không tên, vừa làm vừa hát bài “A ha...Không có vua...”. Những lời thoại của các nhân vật bộc lộ thang giá trị thực dụng cùng thực tế của cộng đồng. Hai người trí thức nhất trong nhà khuyên nhủ nhau, Đoài bảo Khảm: “cái nghề đồ tể của nó giá trị gấp mười lần cái bằng đại học của tao với mày” vì Khảm thông báo: “Em đã thử thống kê, mỗi năm anh Khiêm mang về hai trăm sáu mươi bộ lòng”. Hay như khi ngày Tết, Đoài – công chức giáo dục - tiếp khách sang chúc Tết kể chuyện tếu táo vô thưởng vô phạt và bắt nhả bị con ông hàng xóm bảo người nhà: “Cái tay Đoài có học mà ăn nói linh tinh”. Nghe vậy, ông hàng

xóm bèn tổng kết gọn mà sâu: “Loạn”. Cũng chính tay trí thức Đoài ấy bình luận với anh chị em: “Có năng khiếu kinh doanh thích thật, còn các năng khiếu như văn chương, nghệ thuật,v.v...đều vô dụng cả”. Còn vị “trí thức trẻ” Khảm từng bị Sinh đẩy ra khi lao vào hôn chị dâu liền nói chắc: “Tôi nói trước, thế nào tôi cũng ngủ được với Sinh một lần”. Rồi ông Kiên chết bệnh, khi giỗ một trăm ngày ông thì Đoài đề nghị nâng cốc và nói: “...Cuộc sống dù khi gió nhưng đẹp tuyệt vời...”. Khi ấy Sinh đã có mang, dẫu rằng như khẳng định mà Đoài đã nói thẳng ra với Sinh về chồng cô: “...Lão Cấn vừa ngu vừa hèn, lại yếu, bác sĩ bảo bị lãnh tinh, lấy Sinh hai năm mà có con cái gì đâu”. Trả lời câu Đoài hỏi: “Thế ngày thường thì thấy khổ à?”, Sinh đáp: “Khổ chứ. Nhục lắm. Vừa đau đớn, vừa chua xót. Nhưng thương lắm”. Rồi bấy thời khắc như thể lại lặp lại với vui buồn vì ngay lúc ấy lại có người buu tá đến báo tin người cậu của họ vừa chết, nhưng Đoài bảo cứ tiếp tục vui đi và gọi mọi thành viên bàn tiệc cỗ giỗ là các “chư tướng”. Quả thật, ca từ bài hát cậu Tồn vẫn khe khẽ ngân lên: “không có vua” đã xác định nghĩa hàm ẩn của lát cắt cuộc sống đô thị (và cả ở nông thôn) Việt Nam khi mà “dột từ nóc đột xuống”, tình trạng không kỷ cương phép nước nào được tôn trọng thì chẳng còn giá trị đạo đức nào tồn tại làm rường cột cho suy nghĩ, hành vi và lời nói của con người ta nữa.

2.3. Người đàn bà không phải giống yếu để vùi dập

Nếu cứ tiếp tục khảo sát các truyện ngắn tiếp theo của hai nhà văn A. Moravia và

Nguyễn Huy Thiệp thì có thể không dứt được quá trình phát hiện nghĩa hàm ẩn thông qua những hình tượng, ngôn ngữ và sự tình hiển ngôn về mọi hiện tượng đời người ở một nước châu Âu và một nước châu Á. Nhưng có thể thấy rằng bất cứ tác phẩm nào của hai nhà văn đều động chạm tới mạch sống nào đó đang chảy trong dòng đời của con người. Song cái để lại cho người đọc nghĩ suy không hẳn là sự bi kịch và thâm trầm hiện hình từ xuống cấp đạo đức, nhân sinh quan và cơ chế thương tôn pháp luật ... mà là nét lạc quan của bài học nhân thế: biết để trở nên thanh sạch, tựa hồ sám hối cứ mỗi tuần để tử tế hơn lên sau lúc trần tình tội lỗi.

Có thể nhận thấy rằng giữa hai truyện ngắn “Hoàng hậu Ai Cập” của A. Moravia và “Chảy đi sông ơi” của Nguyễn Huy Thiệp rất gần gũi về môtip và ý tưởng, những điều nói lên cái tương đồng trong tư duy nghệ thuật của hai nhà văn ở hai xứ sở cách xa nhau.

Người đàn bà trong truyện “Hoàng hậu Ai Cập” lấy chồng và sống cuộc đời chẳng có gì phải lo phiền, duy có việc người chồng không có gì nổi bật và mọi sự thật êm đềm giống như nét diễn tả sự đời bộc lộ trong truyện “Sám chóp”. Hai vợ chồng nói chuyện và người chồng già được vợ kể cho hay về một thiếu phụ muốn thoát khỏi sự phụ thuộc mà bộc lộ “ý ngông, sự tự lập, sự thích thú các chuyện bất ngờ, khát vọng cuộc sống...” Và những nét sống nơi phụ nữ như thế được người vợ định nghĩa là “thứ giả tạo độc đáo” trong quan hệ với người đàn ông,

trong khi nàng khẳng định rằng “không một chị em nào ... lại là kẻ lừa dối, phản bội giả tạo, lại không chung thủy, không thành thật...”. Đó là căn cốt cho câu chuyện nàng kể cho chồng hay về một người đàn bà trẻ đẹp mà nàng quen biết “vì cái tính ngông cuồng quá trớn, say sưa không muốn bị phụ thuộc mong có được quyền hành, đòi hỏi tự do, yêu thích các chuyện phiêu lưu mạo hiểm, tóm lại, vì lòng khát khao cuộc sống, đã rơi vào một chuyện hết sức khó tin”.

Ông chồng hết sức tò mò muốn biết điều gì xảy ra với người đàn bà trẻ đẹp – bạn của vợ mình – sau đó. Nàng cho hay một người đàn ông giàu đã già đó sẵn lòng, theo đuổi cô ta trong vài năm, để rồi cuối cùng “chị ta trở thành tình nhân của ông này với điều kiện sau mỗi cuộc gặp nhau, ông ta sẽ cho chị ấy một số tiền nhất định”. Lại một yếu tố hấp dẫn khác khác khiến người chồng sốt ruột. Nàng kể tiếp rằng toàn bộ số tiền ấy được nàng đưa cho một người đàn ông khác còn trẻ mà chị ta yêu. Và số tiền ấy sẽ dùng cho “các nhóm khủng bố”. Chàng thanh niên kia cũng yêu chị, nhưng chị kiên quyết chối từ tình cảm ấy nên quan hệ của họ “hoàn toàn trong trắng”. Có một khẳng định rất hay và bí ẩn mà ông chồng không hề hiểu được nguyên do của chính điều ông ta nói ra “Và để rửa cái hận bị lệ thuộc, họ dựng lên những cái gọi là “chuyện khó tin” khi ông giải thích làm rõ cho luận đề của người vợ cho biết sự lệ thuộc duy nhất và có thực của chị em phụ nữ trong gia đình nhà chồng là “mái nhà”, cái hiện thực vật chất.

Sau cuộc nói chuyện ấy nàng ăn vận gọn gàng, đúng “goût” của người thời thượng và lái xe lên đường. Nàng là một người đẹp, nhiều người bảo nàng giống như một nữ hoàng cổ Hy Lạp, và chính nàng cũng yêu vẻ khả ái của mình đến nỗi nàng “không nhìn được và hôn lên bóng mình trong gương”.

Câu chuyện nàng kể cho chồng nghe hóa ra chính là sự thật về những gì nàng đang làm với một người đàn ông già giàu có và một chàng trai trẻ. Nàng lái xe tới ở lại nơi ngôi biệt thự phong lưu kia với một cự phú già trong vòng một tiếng rưỡi. Sau đó nàng lái xe đi và cho vào trong túi “cái phong bì lớn nặng”. Đến điểm hẹn, có một người con gái ra hiệu dừng xe rồi nói chuyện với nàng, nàng đưa phong bì tiền cho cô ta rồi trở về nhà. Trước bữa tối, hai vợ chồng nàng ngồi ở ban công trong bóng tối tịch mịch mùa hè và lại nói chuyện về những người đàn bà. Họ lại trở lại với câu chuyện về người bạn gái của nàng có hai người đàn ông, một giàu có nhưng già, một nghèo nhưng trẻ. Cô ấy ăn ở với người thứ nhất kia để có tiền “hỗ trợ về mặt vật chất cho sự nghiệp chính trị của người thứ hai”, nhưng cô lại không hề có quan hệ tính giao với người thứ hai ấy. Rồi nàng lại kể tiếp về chi tiết mới, chi tiết cuối cùng về việc tại chỗ hẹn, người đàn ông không đến mà anh ta lại giao một cô gái – chắc là bạn gái mới của anh – đến lấy tiền. Và nàng khẳng định “Chị bạn gái...vấp phải sự thay đổi ấy đã bị mất tình trạng thăng bằng cân não trước đây”, và cô ấy phải “nghiêm chỉnh xem xét lại

hoàn cảnh mới trước khi quyết định sau này sẽ xử sự ra sao”. Người chồng có biết đâu rằng những tình tiết cũng như suy nghĩ của cô gái trong chuyện nàng kể cho chồng mình nghe kia lại là tự truyện, tự bạch của chính nàng!

A.Moravia đã chứng minh một luận đề vốn đã trở thành motif chân xác về sự thông thái của phụ nữ mọi nơi và mọi thời đại. Người Việt hay truyền tụng câu tục ngữ “Đàn ông nông nổi giềng khơi, đàn bà sâu sắc như coi đưng trâu” và cho rằng cần hiểu ngược lại để cho đúng với ý (nghĩa hàm ẩn) của đúc kết này là phụ nữ thường nông cạn và đàn ông bẩm chất là khôn ngoan. Nhưng có lẽ các cụ ta không phải nói thế, vì các thế giới quan trọng nam khinh nữ mà ngôn từ cần nói thế, nhưng “ý tại, ngôn ngoại” khiến hàm ngôn không phải như nhiều người nghĩ vậy. Người phụ nữ trong truyện của A. Moravia có hai cuộc sống; thường nhật với chồng và cũng thường nhật với thế giới của riêng mình, cái thế giới bao chứa lãng mạn, nhiệt tình, hiểm nguy và như chồng nàng khẳng định là để “rửa cái hận bị lệ thuộc”. Và nàng đã cao hơn chồng mình không chỉ ở khả năng chi phối người chồng mà còn ở ý chí phụng sự một lẽ sống, một nhân sinh quan hoạt động cho cộng đồng.

Trong truyện ngắn “Chảy đi sông ơi” của Nguyễn Huy Thiệp” kể về những người dân thuyền chài xứ đạo Công giáo với những thực hư của sự đời diễn tiến hàng ngày cùng bao truyền thuyết mù mịt cũng như cao cả. Nhân vật chính là kẻ

“đầu xanh tuổi trẻ” ham mê khao khát tìm biết sự sống quanh mình và hăng hái đi đánh cá cùng những người chài lưới thâm nghệ vùng quê cậu ta. Rồi có một lần sơ sẩy khiến cậu suýt chết đuối nếu không có một người đàn bà cứu cậu. Ấy là chị Thắm, một phụ nữ nghèo chạy đồ ngang. Song sự đời ngang tắt đưa đẩy cậu thành người phở có vợ có con, “một đàn con đông đúc”. Bỗng có dịp về làng lúc khoảng tháng Ba vì lúc đó hoa gạo “màu hoa rực đỏ xao xuyến bốn chôn”. Tuy thật nhiều “ước mơ tuổi trẻ (đã) nhường chỗ cho bao nhu cầu thiết thực” rồi nhưng người đàn ông vốn khi xưa được người đàn bà hay kể cho nghe về “ngày xưa ngày xưa, ở xứ Giêruxalem có một con người...” vẫn “bồi hồi khôn tả” hỏi một bà cụ già “chị Thắm lái đò”. Người đàn ông nặng lòng với quê đã “òà lên khóc nức nở” khi biết chị Thắm đâu còn sống khi bà cụ già kể: “Ông quen nhà Thắm ư ông? Bao nhiêu năm nay chẳng hề có ai hỏi thăm nhà Thắm... Nhà Thắm chết đuối hai chục năm rồi!”. Như một nhát dao cứa vào trái tim gã “đầu xanh tuổi trẻ” đã không chết đuối nhờ vị cứu tinh là chị Thắm kia khi bà cụ kể tiếp: “Khốn nạn! Nhà Thắm cứu được không biết bao nhiêu người ở khúc sông này... Thế mà cuối cùng nó lại chết đuối mà không ai cứu...”. Người đàn ông vào thời khắc ấy bỗng thấy một nghịch lý khi nghĩ “cuộc sống hiện giờ của tôi vô nghĩa xiết bao”.

Chị Thắm – người đàn bà bình dị nhưng sâu sắc và dũng cảm vô cùng ấy đã là hiện thân của con người (còn ai nữa nếu

không phải là Đức Chúa Ki Tô) ở xứ Jerusalem như trong những câu chuyện chỉ kể cho cậu bé mà giờ đây đã là người đàn ông phương trưởng đủ đầy cuộc sống vật chất thị thành.

Hai người đàn bà ở hai miền đất khác nhau, xa nhau trong truyện của A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp đều có hai cuộc đời. Một cho nhẽ tồn tại, và một cho bản phận của Homo sapiens với lý trí cao cả và trái tim sống cho người khác. Trí huệ (cao hơn cả trí tuệ vì bản ngã vị tha lớn đến mức giúp họ ngộ ra những lẽ không phải ai cũng làm nổi) của hai người ấy vượt lên cái tầm thường của thân phàm xác thịt để sống cho cái lý tưởng ngạo nghễ vì đồng loại không hề tính toán. Người đàn bà thành phố Italia kia đẹp như “nữ hoàng Cổ Ai Cập”, sống trong nhung lụa và nhà cửa sang trọng, lái chiếc xe hiện đại hết sức. Nhưng cái viên mãn ấy đâu có so sánh được với hy sinh hết thảy cho tình yêu đích thực gắn bó trong một con người cụ thể đang phụng sự lý tưởng chính trị. Nàng coi sự sống thứ hai đấy là thật sự. Và chị Thắm trong “Chảy đi sông ơi” coi những chuyến chở khách đò ngang là niềm vui, nhưng chị cứu người ta khỏi cái chết oan nghiệt nơi sóng nước cũng vui vẻ và bình dị như lúc khua mái chèo đưa người ta qua sông vậy. “Sinh nghề tử nghiệp”, mà cái chết của chị thật giống như sự hy sinh của chàng Danko giật trái tim mình ra khỏi lồng ngực để chiếu sáng cứu bao người trong bộ lạc khỏi chết trong rừng rú tăm tối với đầm lầy, nhưng chẳng có ai đoái hoài tới cái chết của anh khi họ

hân hoan được tiếp tục sống, điều nhà văn Nga M. Gorky đã tự sự trong truyện “Bà lão Izergin”.

Ý hàm ẩn nữa trong cả hai truyện của hai nhà văn Italia và Việt Nam là phụ nữ không hề xám nhạt đời thường vì chuyện cơm áo gạo tiền như người đời vẫn nghĩ (một ví dụ là câu cách ngôn kia). Họ ẩn giấu trong trí não và trái tim họ những thồn thức của nòng nân yêu thương với nhân quần, với con người cụ thể nào đó. Nhưng họ giữ kín chỉ để cho mình, và họ sống như có hai con người trong một thân xác ấy mà thôi. Nghĩa là họ lãng mạn vô cùng, cái trí năng nông cạn của đàn ông vốn hay tự đắc với tiền bạc, học vấn, địa vị... có lẽ che mờ tất cả khiến họ làm sao dễ dàng nhận ra được những lẽ sâu xa như vậy.

Cả A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp đều đã trở thành những nhà tư tưởng, triết gia trong cách nhận diện, phân tích cuộc sống và xây dựng hình tượng ở các tác phẩm của mình. Những nhận xét nêu trên mới chỉ là phần nhỏ của núi băng trôi (iceberg) các tư tưởng có thể chiết xuất từ

những câu truyện mà hai ông A. Moravia và Nguyễn Huy Thiệp - viết về người, vật và thế giới của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tiếng Việt

1. A. Mô ra via. *Ngân hàng tình yêu*. NXB Văn học, Hà Nội, 1986.
2. Nguyễn Huy Thiệp. *Truyện ngắn*. NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2003.

B. Tiếng Anh

3. Cottrell, Jane E. Alberto Moravia. *New York: Frederick Ungar Publishing Co*, 1974.
4. Dego, Giuliano. *Moravia* (Writers and Critics Series). Edinburgh: Oliver & Boyd, 1966.
5. J.H. Whitfield. *A Short History of Italian Literature*. London: Cassell, 1962.
6. *Selected Stories of Lu Hsun*. Peking: Foreign Languages Press, 1972.
7. *The Routledge Encyclopedia of Jewish Writers of the Twentieth Century*. 1st Edition by Sorrel Kerbel (Editor). Oxford: Routledge, 2003.

C. Internet

8. <http://authorscalendar.info/moravia.htm>
9. <https://www.enotes.com/topics/alberto-moravia/critical-essays/moravia-alberto-1907>
10. <http://www.ianthomson.info/blog/albert-o-moravia-25-years-on-who-reads-him-now/>

(Toà soạn nhận bài viết ngày 15/01/2017, duyệt đăng ngày 14/6/2018)